

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1358/NXBGDVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

Về việc báo cáo tóm tắt chỉ tiêu tài chính
6 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

Căn cứ quy chế công bố thông tin của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN) ban hành tại Quyết định số 303/QĐ-NXBGDVN ngày 17/6/2022.

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kiểm toán năm 2025 của NXBGDVN đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán độc lập.

NXBGDVN xin báo cáo công bố thông tin liên quan đến một số chỉ tiêu thuộc Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2025 (Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm)

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Vụ KHTC - Bộ GD&ĐT;
- HĐTV, Ban TGD;
- KTT, CVP, TBKS;
- Ban: TC-KT, KTNB&PC;
- P-Office;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓

Nguyễn Tiến Thanh


CÔNG TY
TƯ CẬP MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC
VIỆT NAM
HÀ NỘI

PHỤ LỤC SỐ 01: BÁO CÁO TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU
THUỘC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(Đính kèm công văn số 1358 /NXBGDVN ngày 31/7/2025)

Đvt: đồng

TT	Mã chỉ tiêu	Nội dung		
A	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		06 tháng đầu năm 2025	Đầu năm 2025
I	100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.143.022.382.976	792.137.004.198
1	110	Tiền và các khoản tương đương tiền	78.337.512.510	260.815.408.873
2	120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	281.500.000.000	280.000.000.000
3	130	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.671.052.171.298	133.859.889.515
4	140	Hàng tồn kho	106.855.238.329	114.165.008.748
5	150	Tài sản ngắn hạn khác	5.277.460.839	3.296.697.062
II	200	TÀI SẢN DÀI HẠN	780.484.098.064	809.072.929.238
	210	Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	-
1	220	Tài sản cố định	140.511.338.971	144.151.297.135
-	221	Tài sản cố định hữu hình	65.320.136.504	68.711.494.670
-	227	Tài sản cố định vô hình	75.191.202.467	75.439.802.465
2	230	Bất động sản đầu tư	123.923.036.702	127.700.430.406
3	240	Tài sản dở dang dài hạn	2.978.992.497	1.144.564.850
4	250	Đầu tư tài chính dài hạn	396.977.607.216	396.977.607.216
5	260	Tài sản dài hạn khác	116.088.122.678	139.099.029.631
III	270	TỔNG TÀI SẢN	2.923.506.481.040	1.601.209.933.436
IV	300	NỢ PHẢI TRẢ	1.421.164.688.797	327.951.223.118
1	310	Nợ ngắn hạn	1.336.824.458.622	242.345.351.335
2	330	Nợ dài hạn	84.340.230.175	85.605.871.783
V	400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.502.341.792.243	1.273.258.710.318
1	411	Vốn góp của chủ sở hữu	596.000.000.000	596.000.000.000
2	414	Vốn khác của chủ sở hữu	15.532.807.412	15.532.807.412
3	418	Quỹ đầu tư phát triển	411.739.836.951	411.739.836.951
4	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	479.069.147.880	249.986.065.955
VI	440	TỔNG NGUỒN VỐN	2.923.506.481.040	1.601.209.933.436
B	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1	01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.968.054.734.293	2.280.535.856.193
2	02	Các khoản giảm trừ doanh thu	69.332.400.009	56.110.668.155
3	10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	1.898.722.334.284	2.224.425.188.038
4	11	Giá vốn hàng bán	1.385.069.355.900	1.680.650.904.832
5	20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	513.652.978.384	543.774.283.206
6	21	Doanh thu hoạt động tài chính	59.059.581.435	44.645.609.525
7	22	Chi phí tài chính	4.246.574.166	11.727.713.910
8	23	Trong đó: Chi phí lãi vay	2.863.034.845	11.352.634.928

TT	Mã chỉ tiêu	Nội dung		
9	24	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	-
10	25	Chi phí bán hàng	71.884.903.434	92.786.772.943
11	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	108.139.204.000	91.809.461.723
12	30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (26 + 25)}	388.441.878.219	392.095.944.155
13	31	Thu nhập khác	481.967.188	1.553.679.168
14	32	Chi phí khác	505.181.466	713.354.769
15	40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(23.214.278)	840.324.399
16	50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	388.418.663.941	392.936.268.554
17	51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.383.851.747	38.483.090.686
18	52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
19	60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	352.034.812.194	354.453.177.868
C	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1	20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(867.411.297.434)	(388.853.085.178)
2	30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	43.838.276.577	(15.068.625.843)
3	40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	641.095.124.494	412.695.134.905
4	50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(182.477.896.363)	8.773.423.884
5	60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	260.815.408.873	125.359.951.878
6	70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	78.337.512.510	134.133.375.762
D	MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN		06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
1		Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	34,4%	38,1%
2		Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	12,0%	22,1%
3		Khả năng thanh toán hiện thời (TSNH/Nợ ngắn hạn)	1,60	3,27
4		Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,95	0,26

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Trà Giang

Trần Đức Hùng

Nguyễn Tiến Thanh